

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HC-ST

Ngày: 20-6-2018.

*V/v khiếu kiện: Hủy giấy
chứng nhận quyền sử dụng
đất.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tài Sử

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chiến

2. Bà Lê Thị Hương

Thư ký phiên tòa: Nguyễn Minh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 59/2017/TLST-HC ngày 25 tháng 12 năm 2017 về “ *Khiếu kiện hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-HC ngày 30 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

- Ông Đỗ Văn L – Có mặt

Địa chỉ: Thôn 9, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

- Ông Đinh Công H – Có mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

- Bà Nguyễn Thị L – Có mặt

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân tỉnh Đ

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ: Ông Trương Thanh T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ - Văn bản ủy quyền ngày 19-01-2018 – Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ:

- Ông Bùi Thanh H – Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Tống Thị Thu T – Công chức Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại V

Địa chỉ: Số 01, tiểu khu 834, cụm B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông

Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại V:

Ông Ngô Đình Đ – Phó Giám đốc Công ty TNHH sản xuất và thương mại V – Văn bản ủy quyền ngày 17-01-2018 – Có mặt.

- Bà Đinh Thị T

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đinh Thị T: Ông Đỗ Văn L - Văn bản ủy quyền ngày 11-12-2017 – Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 9, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông

- Bà Hoàng Thị Đ

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị Đ: Ông Đinh Công H - Văn bản ủy quyền ngày 11-12-2017- Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06-11-2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 15-12-2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Đỗ Văn L, ông Đinh Công H, bà Nguyễn Thị L trình bày:

Năm 1998, các ông Đỗ Văn L, ông Đinh Công H, ông Nguyễn Văn D (đã chết), ông Đinh Văn T, ông Đỗ Văn L1, ông Nguyễn Văn H, ông Đinh Văn H từ miền Bắc vào thôn 9, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Nay là tỉnh Đắk Nông) làm ăn và nhận chuyển nhượng của ông Nông Văn H thửa đất rẫy có diện tích hơn 9ha thuộc thửa đất số 68, tờ bản đồ 90 thuộc tiểu khu 834, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Tại thời điểm chuyển nhượng, các bên chỉ thỏa thuận bằng miệng, có sự chứng kiến của người dân gần đó, giá chuyển nhượng là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Thửa đất có tứ cận như sau:

- Một phía giáp đất ông H
- Một phía giáp đất hoang
- Các phía còn lại giáp với khe cạn

Từ năm 1998 đến năm 2005 các hộ gia đình sử dụng đất liên tục, ổn định, không có tranh chấp, không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập biên bản vi phạm đất đai.

Từ năm 2005 các hộ gia đình ông Đinh Văn T, ông Đỗ Văn L1, ông Nguyễn Văn H, ông Đinh Văn H đã sang nhượng phần diện tích đất của mình cho ba hộ gia đình ông Đỗ Văn L, ông Đinh Công H và ông Nguyễn Thành D với giá 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Sau đó ba hộ gia đình tự chia diện tích đất hơn 9ha làm ba phần, mỗi hộ canh tác hơn 03ha. Tuy nhiên hai hộ ông Đinh Công H, ông Nguyễn Thành D (có vợ là Nguyễn Thị L) không đủ khả năng canh tác nên đã cho gia đình ông Đỗ Văn L thuê toàn bộ diện tích để canh tác. Cuối năm 2007, ông Đỗ Văn L về Bắc chăm nuôi mẹ nên bỏ hoang diện tích đất 09ha nhưng không thông báo cho hai hộ ông Đinh Công H và bà Nguyễn Thị L được biết.

Năm 2009, ông Đỗ Văn L tiếp tục vào canh tác diện tích đất trên thì phát

hiện Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại V (Viết tắt là Công ty V) đã đưa máy vào san ủi khoảng 06 ha đất trên tổng diện tích 09 ha đất ông Đỗ Văn L đang canh tác. Ông Đỗ Văn L đã báo cho hai hộ ông Đinh Công H và bà Nguyễn Thị L đến ngăn cản Công ty V san ủi 03 ha đất còn lại. Sau đó, các hộ gia đình có yêu cầu Công ty V có trách nhiệm bồi thường toàn bộ diện tích đất hơn 09ha thì được ông Nguyễn Viết L – Phó Giám đốc Công ty V hứa hẹn sẽ bồi thường nhưng sau đó không thực hiện và cho rằng phần diện tích đất các hộ gia đình đang canh tác đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty V (nhưng ông Nguyễn Viết L không đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay tài liệu liên quan cho các hộ gia đình xem).

Năm 2013, 2014 ông Đỗ Văn L trồng các cây công nghiệp như tiêu, mít, điều, cà ri, xây 01 nhà kiên cố hơn 72m², bể chứa nước, đập chứa nước và các tài sản khác trên đất.

Gần đây các hộ gia đình biết được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đã ban hành quyết định số 1216/QĐ-UBND ngày 11-8-2010 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 122981 thửa đất số 68, tờ bản đồ 90 thuộc tiểu khu 834 tại xã E, huyện C cho Công ty V, trong đó có hơn 09ha đất của 03 hộ gia đình. Vì vậy, ông Đỗ Văn L, ông Đinh Công H, bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 122981 ngày 11-8-2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp cho Công ty V.

Lời trình bày của người bị kiện:

Ngày 11-01-2005, Ủy ban nhân dân huyện C lập Tờ trình số 07/TT-UB về việc xin chủ trương cho Công ty V lập dự án trồng cao su tại tiểu khu 834 thuộc Lâm trường C, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Ngày 21-01-2005, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Công văn số 118/CV-UB về việc Công ty V xin lập dự án trồng cao su theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện C.

Ngày 27-4-2005, Trung tâm quy hoạch khảo sát, thiết kế Nông lâm nghiệp ban hành Báo cáo số 23/BC-TT về kết quả phúc tra hiện trạng rừng khu vực đất xin thuê để lập dự án đầu tư trồng cao su của Công ty V.

Ngày 21-7-2005, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông ban hành Quyết định số 160/QĐ-NN về việc phê duyệt thiết kế dự toán của công trình trồng và chăm sóc cao su của Công ty V.

Ngày 19-10-2005, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông ban hành phiếu thăm định số 1083/TĐ-HĐTĐ về nhu cầu sử dụng đất của dự án đầu tư trồng cao su tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Trên cơ sở hồ sơ xin thuê đất của Công ty V, ngày 25-10-2005 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông ban hành Tờ trình số 1113/TT-TN&MT về việc đề nghị thu hồi 1.442,4 ha đất của Lâm trường C đồng thời cho thuê đất và giao đất đối với Công ty V.

Ngày 27-10-2005 Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành quyết định số 1605/QĐ-CTUBND, thu hồi 1.442,4 ha đất của Lâm trường C và Quyết định số 1606/QĐ-

CTUBND, cho Công ty V thuê đất sử dụng để trồng cao su và giao đất để khoanh nuôi bảo vệ rừng tại huyện C với tổng diện tích là 1.442,4 ha.

Ngày 06-12-2005, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông đã chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành bàn giao đất tại thực địa cho Công ty V.

Về trình tự cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Ngày 01-7-2010, Văn phòng Đăng ký đất đai và Thông tin tài nguyên môi trường (nay là Văn phòng Đăng ký đất đai) tỉnh Đắk Nông nhận được hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận của Công ty V.

Ngày 06-7-2010, Văn phòng Đăng ký đất đai và Thông tin tài nguyên môi trường chuyển hồ sơ đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông để thẩm tra. Ngày 03-8-2010, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông gửi Tờ trình số 1036/TTr-TNMT đến Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty V. Ngày 11-8-2010, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành quyết định số 1216/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty V.

Như vậy, trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty V, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ thực hiện đúng theo quy định pháp luật, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không xảy ra tranh chấp. Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Đỗ Văn L, ông Đinh Công H, bà Nguyễn Thị L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty V trình bày:

Công ty V được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cho thuê đất để thực hiện dự án trồng cao su theo Quyết định số 1606/QĐ-CTUBND ngày 27-10-2005. Quyết định có chỉ đạo Công ty V thực hiện hỗ trợ, đền bù cho các hộ dân có rẫy trong vùng dự án. Năm 2005 Công ty V đã thực hiện hỗ trợ, đền bù cho 224 hộ dân có diện tích 396,5 ha, có lập biên bản đền bù, hỗ trợ và danh sách hộ gia đình, cá nhân ký nhận tiền.

Phần đất ông Đỗ Văn L, ông Đinh Công H, bà Nguyễn Thị L yêu cầu đền bù thuộc thửa đất số 68, tờ bản đồ 90 có diện tích 486.115,5m² (48,6115 ha). Công ty V hỗ trợ, đền bù 16,2 ha cho các hộ dân (cụ thể: ông Bé Văn H 1,2ha; ông Đàm Thành Đ 0,6ha; ông Đàm Ngọc V 1,5ha; ông Lý Triệu C 0,9ha; ông Lý Đức T 6,0ha; ông Vũ Như T 1,7ha; ông Bé Văn G 0,8ha; ông A Ma H 2,3ha; ông Phương Văn T 1,2ha) Thời điểm đó các hộ ông Đỗ Văn L, ông Đinh Công H, bà Nguyễn Thị L không kê khai có đất khai hoang tại khu vực này.

Năm 2008, Công ty V tiến hành trồng cao su trên thửa đất số 68 và chăm sóc cao su. Năm 2009, Công ty V làm các thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 68 nêu trên. Năm 2011 thì hộ ông Đỗ Văn L cho rằng công ty V không đền bù nên đã chặt phá cao su của Công ty V. Nhận thấy việc cấp GCNQSD cho Công ty V đối với thửa đất số 68 là đúng trình tự quy định pháp luật, tại thời điểm cấp GCNQSD không xảy ra tranh chấp hoặc có việc ngăn cản từ các hộ ông Đỗ Văn L, ông Đinh Công H, bà Nguyễn Thị L. Vì vậy, Công ty V đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông ông Đỗ Văn L, ông Đinh Công H, bà Nguyễn

Thị L.

Tại phiên tòa người khởi kiện vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh Đ: Bà Tổng Thị Thu T trình bày ý kiến: UBND tỉnh Đ cho Công ty V thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty V theo đúng quy định pháp luật, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không xảy ra tranh chấp. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn L, ông Đinh Công H, bà Nguyễn Thị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa hôm nay của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng Hành chính.

- Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông nhận thấy: Thửa đất số 68, tờ bản đồ số 90 có nguồn gốc thuộc quyền quản lý, sử dụng của Lâm trường C, sau đó được UBND tỉnh Đ thu hồi và giao cho Công ty V theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Trước khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có việc khiếu nại hoặc tranh chấp giữa các hộ ông Đỗ Văn L, ông Đinh Công H, bà Nguyễn Thị L với Công ty V; người khởi kiện ông Đỗ Văn L, ông Đinh Công H, bà Nguyễn Thị L cho rằng có sử dụng 09ha đất thuộc thửa đất số 68 nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh. Vì vậy Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng Hành chính, bác yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn L, ông Đinh Công H, bà Nguyễn Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, các quy định pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 11-8-2010, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại V (Viết tắt là Công ty V). Năm 2016, khi bị Công ty V kiện tranh chấp quyền sử dụng đất thì ba hộ gia đình mới biết chính xác diện tích đất các hộ đang canh tác đã được Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt là GCNQSDĐ) cho Công ty V.

Ngày 25-12-2017, ông Đỗ Văn L, ông Đinh Công H, bà Nguyễn Thị L nộp đơn khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn L, ông Đinh Công H, bà Nguyễn Thị L còn thời hiệu khởi kiện.

[2]. Về thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án: Ông Đỗ Văn L, ông Đinh Công H, bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu tuyên hủy GCNQSDĐ cấp cho Công ty V. Căn

cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông có thẩm quyền thụ lý, giải quyết.

[3]. Về trình tự, thủ tục thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Trên cơ sở hồ sơ thuê đất của Công ty V và kết quả thẩm định và đề nghị của cơ quan có thẩm quyền, ngày 27-5-2005 UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 1605/QĐ-UBND thu hồi 1442,4 ha đất của Lâm trường C tại tiểu khu 834, xã E, huyện C và Quyết định số: 1606/QĐ-UBND về việc cho Công ty V thuê 862,2ha đất tại tiểu khu 834, Lâm trường C để trồng cao su và giao đất để khoanh nuôi bảo vệ rừng; trong đó đất nương rẫy 421,6ha, đất không có rừng 6,5 ha, diện tích còn lại là đất có rừng. Ngày 06-12-2005, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông phối hợp với UBND huyện C, UBND xã E lập biên bản bàn giao 1442,2 ha đất thực địa thuộc địa giới hành chính xã E, huyện C cho Công ty V quản lý.

Ngày 30-12-2005 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông ký hợp đồng cho Công ty V thuê 862,2ha đất thời hạn 50 năm.

Sau khi thuê đất Công ty V tiến hành đền bù, hỗ trợ đối với diện tích đất hộ gia đình, cá nhân đang canh tác là 224 trường hợp, với tổng diện tích 396,5 ha; số tiền đền bù 3.330.604.000đồng, đồng thời khai hoang đất, trồng cao su thực hiện dự án.

Ngày 18-3-2010 Công ty V có đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ, đơn có xác nhận của UBND xã E tình trạng đất không có tranh chấp; kèm theo đơn là Quyết định cho thuê đất số 1606/QĐ-UBND ngày 27-10-2005; Hợp đồng thuê đất số 22 ngày 30-12-2005; ngày 01-7-2010 Văn phòng Đăng ký đất đai và Thông tin tài nguyên môi trường (nay là văn phòng Đăng ký đất đai) tỉnh Đắk Nông nhận hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ của Công ty V; ngày 06-7-2010 Văn phòng Đăng ký đất đai và Thông tin tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Nông chuyển hồ sơ của Công ty V đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông thẩm tra; ngày 03-8-2010 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông lập tờ trình số 1036/TTr-TNMT gửi UBND tỉnh Đ đề nghị cấp GCNQSDĐ cho Công ty V; ngày 11-8-2010 UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 1216/QĐ-UBND cấp giấy chứng nhận QSDĐ số BA 122981 tại tiểu khu 834 tờ bản đồ số 90, 91 diện tích 7538.068,7m² tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông cho Công ty V.

Như vậy, UBND tỉnh Đ giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho Công ty V là đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục, đúng đối tượng quy định tại Điều 32, khoản 1 Điều 49, khoản 3 Điều 51, khoản 1 Điều 52 và Điều 123 Luật Đất đai năm 2003; Điều 19 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện:

Ông Đỗ Văn L, ông Đinh Công H, bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ số BA 122981 ngày 11-8-2010 của UBND tỉnh Đ cấp cho Công ty V tại tiểu khu 834 tờ bản đồ số 90, 91 diện tích 7538.068,7m² tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Tuy nhiên, phía người khởi kiện không cung cấp được giấy tờ về đất cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh trước thời điểm UBND tỉnh Đ cấp GCNQSDĐ cho Công ty V thì những người khởi kiện là

chủ sử dụng hơn 09 ha đất thuộc thửa số 68, tờ bản đồ số 90 và không có tài liệu nào thể hiện đã tranh chấp QSDĐ với công ty V, mà chỉ đưa ra lý do trước thời điểm UBND tỉnh Đ cho Công ty V thuê đất, ông Đỗ Văn L, ông Đinh Công H, bà Nguyễn Thị L có nhận chuyển nhượng hơn 09 ha đất của ông Nông Văn H giá 4.000.000 đồng (Chuyển nhượng miệng), sau đó có tranh chấp nhưng Công ty V chưa đền bù về đất cho ông Đỗ Văn L, ông Đinh Công H, bà Nguyễn Thị L. Điều 4 Quyết định số 1606 đã ghi: *“Giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với chính quyền địa phương làm thủ tục thu hồi và giao đất ngoài thực địa. Đối với diện tích hộ gia đình và cá nhân đang tranh chấp trong khu đất thì chỉ thực hiện giao đất ngoài thực địa khi Công ty V thực hiện xong việc liên kết hoặc thỏa thuận bồi thường với chủ sử dụng đất cũ”*. Tuy Công ty V chưa đền bù nhưng UBND tỉnh Đ đã cấp GCNQSDĐ cho Công ty V nên các ông, bà khởi kiện.

Xét thấy việc Công ty V chưa đền bù về đất cho ông Đỗ Văn L, ông Đinh Công H, bà Nguyễn Thị L không phải là căn cứ pháp lý để hủy GCNQSDĐ theo Luật Đất đai. Trường hợp các đương sự có yêu cầu Công ty V bồi thường thì có quyền khởi kiện theo thủ tục dân sự bằng một vụ án dân sự khác để được xem xét giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ pháp lý để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn L, ông Đinh Công H, bà Nguyễn Thị L đối với yêu cầu hủy GCNQSDĐ số BA 122981 ngày 11-8-2010 do UBND tỉnh Đ cấp cho Công ty V.

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng Hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông Đỗ Văn L, ông Đinh Công H, bà Nguyễn Thị L mỗi người phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ khoản 1 Điều 358 của Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015: Người khởi kiện ông Đỗ Văn L, ông Đinh Công H, bà Nguyễn Thị L phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*) được khấu trừ vào số tiền 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*) tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đã nộp tại Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, Điều 193, Điều 348, Điều 358 của Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 32, Điều 49, khoản 1 Điều 52, Điều 123 của Luật Đất đai năm 2003; Điều 19 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19-10-2009 của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn L, ông Đinh Công H, bà Nguyễn Thị L đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 122981 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp ngày 08-11-2010 cho Công ty V thuộc tờ bản đồ 90, 91 thuộc tiểu khu 834, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông .

2. Về án phí: ông Đỗ Văn L, ông Đinh Công H, bà Nguyễn Thị L, mỗi người phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001136, số 0001137, số 0001138 ngày 21-12-2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Đỗ Văn L, ông Đinh Công H, bà Nguyễn Thị L phải chịu 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ được khấu trừ vào số tiền 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*) tạm ứng đã nộp tại Tòa án.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương không có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- UBND tỉnh Đ
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(*Đã ký và đóng dấu*)

Nguyễn Tài Sử